

Án số: 130/2017/HSST

Ngày 23/08/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà **Nguyễn Thị Xuân Huyền**

Hội thẩm nhân dân: - Bà **Lê Thị Sinh Chi**

- Bà **Phạm Thị Thu**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Phạm Khánh Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thanh** - Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình.

Hôm nay, ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2017/HSST ngày 18 tháng 7 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐỖ ĐỨC M** – Sinh ngày 05/8/1972.

Nơi cư trú: SN 62/02, tổ 50, phường Q, thành phố T, tỉnh T.

Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10.

Con ông Đỗ Đức H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1944.

Có vợ là Phùng Thị H, sinh năm 1977.

Có 03 con, con lớn sinh năm 1999 và con nhỏ sinh năm 2007.

Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất.

* *Tiền án, tiền sự*: Không.

* *Nhân thân*:

- Bản án hình sự phúc thẩm số 63 ngày 14/9/1993 của TAND tỉnh T xử phạt bị cáo 09 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, thời hạn tù tính từ ngày 20/3/1993. Bị cáo chấp hành xong án phạt tù ngày 20/12/1993. Thi hành xong trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm.

- Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính số 2059/QĐ-UBND ngày 13/7/2011 của Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh T đưa bị cáo vào trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội thành phố Thái Bình với thời hạn 12 tháng vì lý do nghiện ma túy. Đến ngày 26/6/2012 bị cáo chấp hành xong trở về địa phương.

Bị tạm giữ kể từ ngày 31/5/2017 đến ngày 09/6/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ, tạm giam Công an thành phố Thái Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Ông Lê Xuân T, sinh năm 1962; Địa chỉ: Số nhà 10, ngõ 64, tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

- Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990, Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, thành phố T, tỉnh T. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 31/5/2017 Đỗ Đức M đi bộ từ nhà ra khu vực ngõ 02, đường H, tổ 49, phường Q, thành phố T, tỉnh T với mục đích mua ma túy về để sử dụng cho bản thân. Tại đây bị cáo gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không quen biết 02 gói ma túy với giá 400.000 đồng. M nhận lấy cầm trong lòng bàn tay trái rồi đi tìm nơi sử dụng. Khi đi được khoảng 200 mét thì bị tổ công tác của công an thành phố Thái Bình yêu cầu dừng lại kiểm tra. Trước sự chứng kiến của người làm chứng ông Lê Xuân T, sinh năm 1962, trú tại số nhà 10, ngõ 64, tổ 15, phường T, thành phố T, tỉnh T và anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990, trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố T, tỉnh T. M tự giác đưa từ lòng bàn tay trái ra giao nộp cho tổ công tác 02 gói nhỏ bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong chứa chất bột màu

trắng dạng cục. M khai nhận đó là heroine mua về để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác đã mời người làm chứng và yêu cầu M về trụ sở công an phường Q, thành phố T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng.

Bản kết luận giám định số 181/KLGD-PC45 ngày 31/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có trọng lượng **0,3033 gam** (*không phải ba nghìn không trăm ba mươi ba gam*).

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Đỗ Đức M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 129/KSĐT ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Đỗ Đức M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều 194 khoản 1 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Đỗ Đức M về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 194 khoản 1; Điều 46 khoản 1, khoản 2, điểm p; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 7 khoản 3; Điều 249 khoản 1, điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 31/5/2017.

Và những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 09 giờ 45 phút ngày 31/5/2017 (bút lục số 03 - 04); Biên bản niêm phong vật chứng lập hồi 09 giờ 50 phút ngày 31/5/2017 (bút lục số 31); Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Bị cáo đã có hành vi cố ý tàng trữ trái phép ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân. Theo Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình thì số ma túy bị cáo tàng trữ là loại Heroine, trọng lượng **0,3033 gam**. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 194 khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”

Theo quy định tại Điều 194 khoản 1 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại Điều 249 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Và căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, như vậy mới có tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo, phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 khoản 1 điểm p Bộ luật hình sự năm 1999; Ngoài ra bà Nguyễn Thị N (là mẹ đẻ bị cáo M) được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.
- Bị cáo không có tiền án, tiền sự, nhưng là người có nhân thân xấu. Năm 1993 bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân”, bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù ngày 20/12/1993 và đã thi hành xong trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm; ngoài ra bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính. Trong quá trình cải tạo, rèn luyện bản thân bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa chữa mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, thể hiện bị cáo là người không tôn trọng pháp luật. Khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

- Về nguồn gốc số ma túy, theo M khai mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi, không quen biết tại khu vực ngõ 02, đường H, tổ 49, phường Q, thành phố T nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý là phù hợp.

Về vật chứng vụ án: Số ma túy thu giữ được của các bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Đức M phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Hình phạt: Áp dụng Điều 194 khoản 1; Điều 46 khoản 1, khoản 2, điểm p; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và Điều 7 khoản 3, Điều 249 khoản 1 điểm c Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 31/05/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy số heroine còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 181/KLGD-PC45 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Đức M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/8/2017./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Huyền